

Giá trị tài sản ròng quỹ
Net Asset Value of the Fund
 (tuần từ ngày 14/05/2021 đến 20/05/2021)
 (Reporting period: from May 14th 2021 to May 20th 2021)

- 1. Tên công ty quản lý quỹ:** Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt
Fund Management Company: Thien Viet Asset Management JSC
- 2. Tên ngân hàng giám sát:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành
Custodian and Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch
- 3. Tên quỹ:** Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
Name of the fund: Thien Viet Growth Fund 2 (TVGF2)
- 4. Mã chứng khoán/Securities code:** FUCTVGF2
- 5. Ngày lập báo cáo:** 21/05/2021
Reporting date: 21 May 2021

Đơn vị tính/Unit: VND/%

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD 20/05/2021	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD 13/05/2021
I	Giá trị tài sản ròng <i>Net asset value (NAV)</i>		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i>		
1.1	của quỹ/the fund	259,532,796,328	254,225,734,188
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	15,267	14,954
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i>		
2.1	của quỹ /the fund	222,877,164,225	259,532,796,328
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	13,110	15,267
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: <i>Change of NAV during period, in Which:</i>	-36,655,632,103	5,307,062,140
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ <i>Change due to the fund's investment activities</i>	-2,655,632,103	5,307,062,140
3.2	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ <i>Change of NAV due to subscription, redemption during the period</i>		
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ (*) <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	-34,000,000,000	
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ <i>Change in NAV per certificate during the period</i>	-2,157	313
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	261,174,423,820	261,174,423,820
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	127,182,836,046	127,182,836,046
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)		
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of fund certificate		
6.2	Tổng giá trị/ Total value		
6.3	Tỷ lệ sở hữu/ ownership ratio		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
1	Giá trị đầu kỳ <i>Beginning value</i>	17,100	16,000
2	Giá trị cuối kỳ <i>Ending value</i>	15,800	17,100
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước <i>Change in market value, compared with the previous period</i>	-1,300	1,100
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/ Difference between the unit's market price and its NAV		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)**	2,690	1833
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (level of discount (-)/surplus (+))***	20.52%	12.01%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất <i>Highest Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	17,100	17,100
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	8,960	8,960

* Ngày 14/05/2021, Quỹ TVGF2 đã chốt danh sách chi trả 34 tỷ đồng lợi tức bằng tiền năm 2020 cho Nhà Đầu Tư (2,000 đồng/Chứng chỉ quỹ)./In 14th May 2021, TVGF2 made the record list of investors for paying 2020 cash dividend of VND 34 billion (VND 2,000/1 fund certificate);

Lưu ý: ** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV cùng thời điểm)/ Defined by the differences (market price - NAV at the same period);

Notes: *** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV)/NAV/ Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV

Dại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
 Authorised Representative of Supervisory bank



Ngô Thị Thu Cúc
 Phó Giám đốc/Deputy Director

Dại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
 Authorised Representative of Fund management



Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc đầu tư/Investment Director